

Số:117/2022/QĐST-HNGĐ

Tp. Kon Tum, ngày 23 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1978.

Bị đơn: Chị Lê Thị Hoa Đ, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số 01 Nguyễn Công T, Thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Ngọc L và chị Lê Thị Hoa Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Ngọc L và chị Lê Thị Hoa Đ - thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Ngọc L trực tiếp nuôi hai con Bùi Ngọc L, sinh ngày 19/10/2007 và Bùi Ngọc L, sinh ngày 21/4/2009. Chị Lê Thị Hoa Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng). Thời gian nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực

pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Đ được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận và anh Bùi Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Lê Thị Hoa Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Ngọc L nhận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000737 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- UBND p. Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

MAI THỊ THU